

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2023/HSST

Ngày: 07 - 9 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒ, TỈNH KG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Tững - Thư ký Toà án nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện HỒ, tỉnh KG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 20 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1987 tại tỉnh Bạc Liêu; nơi cư trú tổ 8 khu phố XN, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị D (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không tốt do ngày 25/11/2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh Kiên Giang xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và ngày 29/12/2011 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đưa vào cơ sở giáo dục 18 tháng; bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/4/2023 cho đến nay; vắng mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Danh P sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ 10, ấp HM, xã TS, huyện HỒ, tỉnh KG; vắng mặt tại phiên tòa.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lâm Thị T sinh năm 1991; địa chỉ: tổ 10, khu phố BH, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG; vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bà Trần Thị Đ sinh năm 1952; địa chỉ: tổ 13, khu phố KT, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:* Ông Trần Khánh là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại theo Quyết định số 150/QĐ-TTTGPL ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo

Sau chuyến đi ghe biển ngày 27/01/2023 (mùng 6 Tết Nguyên đán năm 2023), Lê Văn T có quen biết với Danh P do cả hai cùng đi ghe biển chung. Đến ngày 20/3/2023, khi ghe vào bờ thì P có cho T số điện thoại của P và rủ T khi nào rảnh thì đến nhà P ở xã TS, huyện HĐ, tỉnh KG chơi.

Đến khoảng 09 giờ ngày 29/3/2023, T gọi điện cho P để nói về việc sẽ đến nhà P chơi thì P đồng ý. Sau đó, T đi bộ từ nhà đến khu vực chợ Ba Hòn, thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG để thuê xe Honda chở T đến nhà của P. T thuê người đàn ông không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể chở T đến khu vực Cổng ngăn mặn thuộc địa phận xã LH với giá 200.000 đồng. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, T đến Cổng ngăn mặn thì mượn điện thoại di động của người đàn ông đã chở T để gọi cho P và kêu P ra rước T. Khoảng 30 phút sau, P điều khiển xe mô tô biển số 68D1-352.06 hiệu Vision chở T về nhà P. Tại đây, P tổ chức nhậu (uống rượu) cùng với T và bà Thị P1 (mẹ ruột của P), sau khi uống hết khoảng 03 lít rượu thì nghỉ nhậu. Do say rượu nên T đã ngủ lại nhà của P.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 30/3/2023, T thức dậy và tiếp tục nhậu cùng với P, còn bà Thị P1 thì nằm ngủ trong phòng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày thì nghỉ nhậu, do say rượu nên P cầm điện thoại di động của mình đi vào phòng ngủ và để trên đầu nằm, còn T thì nằm vờ ở phòng khách. Khoảng 15 phút sau, T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của P để bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, T nhìn thấy xe mô tô biển số 68D1- 352.06 của P đậu ở trước sân nhà không khoá cốp, không có người trông coi nên T đứng lên đi đến đầu tủ (cách chỗ nhậu khoảng 02 mét) để lấy chìa khoá xe và mang ra ghim vào xe mô tô biển số 68D1-352.06 rồi

dẫn xe mô tô ra bên ngoài lộ đân cách nhà P khoảng 05-06 mét và mở sẵn chìa khoá. Sau đó, T đi vào phòng ngủ của P lấy chiếc điện thoại hiệu Vivo, màu trắng xanh bỏ vào trong túi quần và điều khiển xe mô tô 68D1-352.06 chạy thẳng ra Quốc lộ 80 lưu thông theo hướng RG-HT.

Khi đến khu vực chợ TT, thị trấn HĐ thì T dừng xe lại mở cốp xe kiểm tra xem có tài sản gì không thì phát hiện có 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe 01 Căn cước công dân mang tên Danh P và 01 thẻ ATM của Ngân hàng Vietcombank. Do không có tài sản gì nên T đã để lại số giấy tờ trên vào trong cốp xe và tiếp tục điều khiển xe mô tô 68D1-352.06 về KL. Đến khoảng 13 giờ, khi đến địa phận thuộc khu phố Kiên Tân, thị trấn KL, T ghé vào tiệm sửa chữa, mua bán điện thoại “Hiếu” do bà Trần Thị Đ làm chủ để cầm chiếc điện thoại vừa trộm được của P với giá 1.300.000 đồng. Sau khi nhận tiền và biên nhận, T điều khiển xe mô tô biển số 68D1-352.06 đến quán nhậu “Phương T1” thuộc địa phận khu phố Ba Hòn, thị trấn KL do bà Lâm Thị T1 làm chủ, trên đường đi tới quán T gặp Pho và Kim (bạn đi ghe biển chung với T) đang uống cà phê nên T rủ P và K nhậu cùng. Cả 3 nhậu hết 1.330.000 đồng thì nghỉ nhậu, T trả tiền. Sau đó, Pho chạy xe đi về còn T rủ K đi uống cà phê. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, T tiếp tục rủ K đến quán nhậu Phương Thuý để nhậu, sau khi nhậu xong, quán tính tiền hết 4.050.000 đồng. Do không có tiền để trả nên T yêu cầu bà T1 cho gửi xe mô tô 68D1-352-06 lại, vài ngày sau T mang tiền đến trả để lấy xe về. Lúc này, T có nói với bà T1 là xe của gia đình T nên bà T1 đồng ý. Khi ra về, T mở cốp xe lấy ra 01 Căn cước công dân và 01 thẻ ATM bỏ vào túi quần. Sau đó, T bơi qua sông về ruộng nuôi tôm nhà T để ngủ.

Sau khi thức dậy, P phát hiện điện thoại và xe của mình đã mất, nghi T là người chiếm đoạt nên P đã đi tìm và đến Công an xã TS trình báo. Đến ngày 03/4/2023, T bị bắt khẩn cấp tại Công an thị trấn KL, huyện KL, tỉnh KG cho đến nay.

Về vấn đề khác:

Vật chứng trong vụ án thu giữ: 01 (một) điện thoại di động xuất xứ Trung Quốc, hiệu Vivo – V2120 (Vivo Y15s), màn hình IPS LCD 6,51 inch, HDD+, camera trước 8MP, camera sau 13MP+2MP, hệ điều hành Android 11, Ram 3GB/32GB, màu trắng xanh; 01 (một) xe mô tô biển số 68D1-352.06, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, số loại Vision, dung tích xy 108 cm, đăng ký lần đầu vào ngày 24/11/2016 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68D1-352.06.

Tại Bản Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 11/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Hòn Đất kết luận: 01 (một) điện thoại di động xuất xứ Trung Quốc, hiệu Vivo – V2120 (Vivo Y15s), màn hình IPS LCD 6,51 inch,

HDD+, camera trước 8MP, camera sau 13MP+2MP, hệ điều hành Android 11, Ram 3GB/32GB, màu trắng xanh, số Imei 1: 867251055635826, số Imei 2: 867251055635834, mua và sử dụng vào ngày 09/01/2023 ở thời điểm định giá ngày 30/3/2023 có giá 2.000.000 đồng và 01 (một) xe mô tô biển số 68D1-352.06, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, số loại Vision, dung tích xy 108 cm³; số khung RLHJF5813GY043997, số máy JF66E0044026; đăng ký lần đầu vào ngày 24/11/2016 ở thời điểm định giá ngày 30/3/2023 có giá 17.000.000 đồng. Tổng giá trị các tài sản trên là 19.000.000 đồng.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về tội trộm cắp tài sản đối với T để điều tra.

Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số 44/CT-VKS-HĐ ngày 19/7/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố bị can Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (BLHS).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng:

Khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 1 Điều 51, Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Danh P đã nhận lại tài sản, bà Trần Thị Đ đã nhận lại số tiền 1.300.000 đồng cầm điện thoại cho T, bà Lâm Thị T1 đã nhận đủ số tiền trả tiền nhậu là 4.050.000 đồng của T. Anh P, bà Đ và chị T1 không yêu cầu gì khác nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả lại 01 (một) điện thoại di động xuất xứ Trung Quốc, hiệu Vivo, màu trắng xanh; 01 (một) xe mô tô biển số 68D1-352.06, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, số loại Vision; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68D1-352.06 cho chủ sở hữu là anh Danh P.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người hại trình bày: Thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Thống nhất với các tình tiết giảm nhẹ và mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị. Người bị hại là anh Danh P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Tại phiên tòa: Bị cáo T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra cũng như nội dung bản cáo trạng mà vị đại diện Viện kiểm sát đã công bố tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo trước khi HĐXX vào nghị án: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ thời gian chấp hành hình phạt để bị cáo có điều kiện phụ giúp gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng:

Căn cứ theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xét thấy Cơ quan điều tra Công an huyện Hòn Đất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Đ có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh Danh P, bà Lâm Thị T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, sự vắng mặt của bà Đ, anh P, bà T1 không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án xét xử vắng mặt các anh là phù hợp với quy định tại Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS).

[2] Về hành vi bị truy tố của các bị cáo:

Vào khoảng 11 giờ ngày 30/3/2023 tại tổ 10, ấp HM, xã TS, huyện HD, tỉnh KG, Lê Văn T sinh ngày 01/01/1987 đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là một xe mô tô biển số 68D1- 352.06 trị giá 17.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Vivo trị giá 2.000.000 đồng của anh Danh P mục đích để bán lấy tiền tiêu xài.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 08/KL-HĐĐGTS ngày 11/4/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Hòn Đất kết luận tổng tài sản có giá trị là 19.000.000 đồng.

Căn cứ quy định khoản 1 Điều 12 của BLHS thì bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Đối chiếu hành vi của bị cáo với các quy định của pháp luật đã có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”

theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và nhân thân: Ngày 25/11/2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện KL, tỉnh KG xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính của bản án số 44/2009/HS-ST nhưng đến ngày 14/6/2023 bị cáo mới nộp tiền tạm ứng án phí hình sự sơ thẩm của bản án, theo Công văn số 04/CV-CCTHADS ngày 15/8/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện KL thì thời hiệu thi hành đối với bản án đã hết thời hiệu, người bị hại là bà Võ Ngọc A cũng không có đơn yêu cầu thi hành án. Do đó, tuy tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ngày 27/01/2023) bị cáo chưa thi hành xong các quyết định khác của bản án nhưng căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 70 BLHS thì bị cáo đã được xóa án tích nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm theo quy định tại khoản điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 53 của BLHS. Ngoài ra, vào ngày 29/12/2011 bị Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang đưa vào cơ sở giáo dục 18 tháng. Tính đến nay, tuy bị cáo đã được xóa án tích và đã hết 01 năm kể từ ngày bị cáo bị xử phạt hành chính nhưng bị cáo không biết hối cải tiếp tục phạm tội thể hiện nhân thân bị cáo không tốt.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nên có căn cứ cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[5] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại là anh Danh P đã nhận lại tài sản, không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Đ đã nhận lại số tiền 1.300.000 đồng cầm điện thoại cho bị cáo, bà Lâm Thị T1 đã nhận đủ số tiền nhậu bị cáo nợ là 4.050.000 đồng, không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 BLHS 2015 thì: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả cho chủ sở hữu là anh Danh P 01 (một) điện thoại di động xuất xứ Trung Quốc, hiệu Vivo, màu trắng xanh; 01 (một) xe mô tô biển số 68D1-352.06, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, số loại Vision và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68D1-352.06.

[8] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 38, Điều 48, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 70, khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 03/4/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Ghi nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Danh P 01 (một) điện thoại di động xuất xứ Trung Quốc, hiệu Vivo, màu trắng xanh; 01 (một) xe mô tô biển số 68D1-352.06, nhãn hiệu Honda, màu sơn đỏ, số loại Vision; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 68D1-352.06 theo theo Quyết định xử lý vật chứng số 07/QĐ-CSĐT ngày 24/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện HĐ, tỉnh KG.

3. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc

tổng đạt hợp lệ bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát huyện;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú